SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Chương: 317

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 294/QĐ-SKHCN ngày 29/12/2022)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao sử dụng (đã trừ 10% TK)	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN
a	b	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6
A	**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH**						
I	**Tổng thu**	**8,866**	**8,866**	**110**	**6**	**7,850**	**900**
1	Phí Thẩm định an toàn bức xạ hạt nhân	110	110	110			
2	Lệ phí cấp giấy thông báo kết qua kiểm tra về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, công bố hợp chuân, hợp quy	6	6		6		
3	Dịch vụ thông tin và ứng dụng KH&CN	900	900				900
4	Dịch vụ Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	7,850	7,850			7,850	
II	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**8,843**	**8,843**	**93**	**0**	**7,850**	**900**
1	Phí Thẩm định an toàn bức xạ hạt nhân	93	93	93			
2	Lệ phí cấp giấy thông báo kết qua kiểm tra về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, công bố hợp chuân, hợp quy	0	0				
3	Dịch vụ thông tin và ứng dụng KH&CN	900	900				900
4	Dịch vụ Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	7,850	7,850			7,850	
III	**Số thu nộp ngân sách nhà nước**	**23**	**23**	**17**	**6**	**0**	**0**
1	Phí Thẩm định an toàn bức xạ hạt nhân	17	17	17			
2	Lệ phí cấp giấy thông báo kết qua kiểm tra về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, công bố hợp chuân, hợp quy	6	6		6		
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH**	**44,833**	**44,833**	**17,277**	**14,358**	**533**	**12,665**
I	**Chi quản lý hành chính**	**12,909**	**12,909**	**5,219**	**7,690**	**0**	**0**
1	**Văn phòng sở KH&CN**	**5,219**	**5,219**	**5,219**	**0**	**0**	**0**
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4,475	4,475	4,475			
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	744	744	744			
2	**Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng**	**7,690**	**7,690**	**0**	**7,690**	**0**	**0**
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,366	2,366		2,366		
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5,324	5,324		5,324		
II	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**31,427**	**31,427**	**11,561**	**6,668**	**533**	**12,665**
1	Quản lý hoạt động KHCN cơ sở	2,700	2,700	2,700			
2	Đào tạo, tập huấn; xúc tiến ứng dụng KHCN	591	591	591			
3	Tổ chức Hội đồng KHCN xét chọn, tuyển chọn đề tài/dự án; Hội đồng KHCN tỉnh; tham mưu tư vấn và chi khác	1,625	1,625	1,625			
4	Hợp tác quốc tế về KHCN	540	540	540			
5	Công tác thẩm định, đăng ký chuyển giao công nghệ và an toàn bức xạ hạt nhân	1,690	1,690	1,690			
6	Chương trình KHCN hỗ trợ doanh nghiệp; khởi nghiệp; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến tại các đơn vị sự nghiệp	2,734	2,734		2,734		
7	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	3,800	3,800		3,800		
8	Hoạt động thường xuyên của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	12,665	12,665				12,665
9	Hoạt động thường xuyên của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	533	533			533	
10	Chi duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015	30	30	15	15		
11	Mua sắm tài sản chuyên dùng	2,311	2,311	2,311			

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao sử dụng (đã trừ 10% TK)	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Sở	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN
a	b	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6
12	Chi công nghệ thông tin	2,208	2,208	2,089	119		
III	**Chi đào tạo**	**484**	**484**	**484**	**0**	**0**	**0**
1	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	204	204	204			
2	Mở lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng	280	280	280			
IV	**Chi khen thưởng không thường xuyên**	**13**	**13**	**13**			